

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/LĐ-PT

Ngày 05-8-2022

V/v Tranh chấp về trường hợp bị
đơn phương chấm dứt hợp đồng
lao động

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Lực.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đắc Cường;
Ông Huỳnh Văn Luật.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 14/2022/TLPT-LĐ ngày 10/6/2022 về việc “tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 05/2022/LĐ-ST ngày 27/4/2022 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 13/2022/QĐ-PT ngày 17/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐ-PT ngày 14/7/2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H O, sinh năm 1983; địa chỉ: Số X, tổ Y, khu phố N, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Bà O có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần Quốc tế K; trụ sở chính: Thửa đất số Y, tờ bản đồ số R, khu phố W, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lương T, sinh năm 1990; địa chỉ: G, đường T, số E, nhà ở xã hội P, khu phố Q, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Địa chỉ liên hệ: Số 5N Đại lộ Bình Dương, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (theo văn bản ủy quyền ngày 19/01/2022). Ông T có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn B; địa chỉ liên hệ: Công ty cổ phần Quốc tế K, thửa đất số Y, tờ bản đồ số R, khu phố W, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Ông B vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Công ty Cổ phần Quốc tế K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện ngày 16/12/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị H O trình bày:*

Ngày 28/11/2020, bà Trần Thị H O được Công ty Cổ phần quốc tế K (sau đây gọi tắt là Công ty hoặc Công ty K) tuyển dụng vào làm việc với mức lương thỏa thuận 12.000.000 đồng/tháng, thời gian thử việc là 02 tháng, mức lương thử việc là 85% trên lương thỏa thuận.

Sau khi kết thúc thời gian thử việc, Công ty và bà O đã ký Hợp đồng lao động số 133-2021/HĐLĐ-KN ngày 01/3/2021 với chức danh chuyên môn là kế toán công nợ và thủ quỹ, mức lương cơ bản 6.200.000 đồng/tháng, phụ cấp và các khoản bổ sung khác theo quy chế của Công ty; thời hạn hợp đồng từ ngày 01/3/2021 đến ngày 28/02/2022. Lý do lương thỏa thuận 12.000.000 đồng/tháng nhưng lương ghi trong hợp đồng lao động 6.200.000 đồng/tháng: Công ty có 02 mức lương gồm lương thỏa thuận thực nhận và lương ký hợp đồng để Công ty và người lao động đóng bảo hiểm xã hội ít hơn so với lương thực nhận. Hàng tháng, khi nhận lương bà O đều ký 2 bảng lương: 01 bảng lương thỏa thuận và 01 bảng lương để đóng bảo hiểm.

Từ ngày 10/7/2021 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, Công ty áp dụng mô hình làm việc “03 tại chỗ” nên bà O ăn, ngủ và làm việc tại Công ty không về nhà. Vào lúc 16 giờ 42 phút ngày 14/7/2021, ông Ngô Nhất Th là Tổng giám đốc Công ty yêu cầu bà O ngưng làm việc tại Công ty kể từ ngày 15/7/2021 và Công ty sẽ hỗ trợ 45 ngày lương thỏa thuận để bà O viết đơn thôi việc, nhưng bà O không đồng ý. Ông Th nói không cho bà O làm việc tại Công ty kể từ ngày 15/7/2021 nên sau khi nói chuyện với ông Th, bà O phải về nhà.

Ngày 16/7/2021 và ngày 17/7/2021, bà O đến Công ty với mong muốn được vào làm việc, nhưng bảo vệ không cho vào. Trong ngày 16 và 17/7/2021 bà O làm 02 đơn kêu cứu gửi qua bưu điện đến Công đoàn Công ty nhờ can thiệp để bà O được vào làm việc nhưng không nhận được câu trả lời từ phía Công đoàn Công ty.

Ngày 18/7/2021, bà O làm đơn xin hòa giải gửi lên Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thị xã T. Ngày 20/7/2021, bà O làm đơn kiến nghị gửi lên Liên đoàn lao động thị xã T, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thị xã T và Công đoàn Công ty K.

Ngày 23/7/2021, bà O nhận được thông báo đơn phương kết thúc hợp đồng trước thời hạn của Công ty với lý do bà O tự ý bỏ việc 05 ngày. Ngày 27/7/2021 nhân viên bưu điện giao cho bà O 02 giấy mời đề ngày 23/7/2021 và 26/7/2021 của Công ty. Ngày 29/7/2021, bà O đến công ty theo giấy mời và yêu

cầu Công ty giao nhận quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, nhưng không được giao, do chưa nhận được quyết định chấm dứt hợp đồng lao động nên bà O chưa bàn giao sổ sách chứng từ cho Công ty. Tại buổi làm việc của Tòa án ngày 18/01/2022 bà O mới được tiếp cận Quyết định về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động số 01/07-2021/QĐST ngày 29/7/2021 do Công ty giao nộp cho Tòa án.

Công ty K đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà O trái với quy định của pháp luật nên bà O yêu Tòa án giải quyết:

1. Buộc Công ty K phải trả tiền lương những ngày bà O không được làm việc kể từ ngày 15/7/2021 đến khi kết thúc hợp đồng lao động ngày 28/02/2022 là 07 tháng 13 ngày theo mức lương thỏa thuận 12.000.000 đồng/tháng (mỗi tháng bà O được nghỉ 04 ngày chủ nhật, hoặc nghỉ lễ, tết vẫn hưởng nguyên lương theo tháng): $(12.000.000 \text{ đồng/tháng} \times 7 \text{ tháng}) + (12.000.000 \text{ đồng}/30 \text{ ngày} \times 13 \text{ ngày}) = 89.200.000 \text{ đồng}$.

2. Buộc Công ty K phải bồi thường cho bà O 02 tháng tiền lương theo Hợp đồng lao động: $12.000.000 \text{ đồng/tháng} \times 02 \text{ tháng} = 24.000.000 \text{ đồng}$.

3. Buộc Công ty K phải bồi thường cho bà O 01 tháng tiền lương do vi phạm thời hạn báo trước 30 ngày làm việc là 12.000.000 đồng.

Tổng số tiền: 125.200.000 đồng.

4. Buộc Công ty K phải đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội cho bà O tại cơ quan bảo hiểm xã hội trong những ngày không được làm việc kể từ ngày 15/7/2021 đến khi kết thúc hợp đồng lao động ngày 28/02/2022.

Bà O đã liên hệ với Công ty K để nhận 14 ngày lương từ ngày 01/7/2012 đến 14/7/2021, số tiền yêu cầu 5.538.461 đồng nhưng chỉ nhận được 2.487.000 đồng và 06 ngày phép năm bà O chưa sử dụng trong quá trình làm việc từ 01/01/2021 – 14/7/2021, số tiền yêu cầu 6.000.000 đồng nhưng chỉ nhận được 1.378.000 đồng. Tuy nhiên, do số tiền còn lại không nhiều nên bà O không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền lương và tiền phép năm chưa nhận.

** Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, ông Lương Thiện là người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần quốc tế K trình bày:*

Công ty K thừa nhận có ký Hợp đồng lao động số 133-2021/HĐLĐ-KN ngày 01/3/2021 với bà O; thời hạn 12 tháng đến ngày 28/02/2022; chức danh chuyên môn của bà O theo hợp đồng là kế toán công nợ và thủ quỹ; mức lương cơ bản 6.200.000 đồng/tháng. Công ty không thừa nhận có trả lương thỏa thuận 12.000.000đồng/tháng như lời trình bày của bà O.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng lao động, bà O có những vi phạm, thiếu sót, nhất là thái độ trong công việc nhưng với tinh thần mong muốn giúp người lao động hoàn thiện bản thân và nâng cao ý thức làm việc nên Công ty chỉ nhắc nhở, không lập biên bản hay xử lý kỷ luật lao động. Bị đơn không thừa nhận có yêu cầu bà O phải làm đơn thôi việc và không được làm việc kể từ ngày 15/7/2021 như bà O trình bày. Từ chiều ngày 14/7/2021, bà O đã tự ý rời khỏi

Công ty và không quay trở lại làm việc. Hành vi đơn phương của bà O đã trực tiếp vi phạm hợp đồng lao động đã giao kết, vi phạm quy định của pháp luật lao động, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty.

Toàn bộ quyết định liên quan đến nhân sự của Công ty do ông Ngô Nhật Th quyết định nhưng ông Th không nghe bảo vệ Công ty hay Phòng nhân sự của Công ty phản ánh gì về việc ngày 16 và ngày 17/7/2021 bà O đến Công ty làm việc. Công ty không nhận được phản ánh từ Công đoàn Công ty về trường hợp nghỉ việc của bà O.

Căn cứ vào số ngày bà O tự ý bỏ việc không có lý do và quy định tại điểm e khoản 1 Điều 36 Bộ luật Lao động, ngày 21/7/2021 Công ty đã ban hành thông báo về việc kết thúc hợp đồng lao động với bà O. Ngày 23 và 26/7/2021, Công ty đã gửi giấy mời bà O đến Công ty ngày 29/7/2021 để bàn giao công việc. Ngày 29/7/2021, bà O đến Công ty nhưng chưa bàn giao sổ sách, chứng từ, công việc và không ký các biên bản làm việc. Ngày 29/7/2021, Công ty ban hành Quyết định kết thúc hợp đồng lao động với bà O. Ngày 31/7/2021, Công ty tiếp tục gửi giấy mời qua đường bưu điện để bà O đến Công ty bàn giao công việc, nhưng bà O không đến. Việc Công ty K chấm dứt hợp đồng lao động với bà O là đúng với quy định của Bộ luật Lao động nên bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc thực hiện nghĩa vụ bồi thường.

Ngoài ra, hành vi tự ý nghỉ việc của bà O vi phạm pháp luật lao động, vi phạm hợp đồng lao động đã ký kết và ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty. Căn cứ quy định tại Điều 35, Điều 39 và Điều 40 Bộ luật Lao động 2019, Công ty Cổ phần quốc tế K phản tố yêu cầu bà O phải có nghĩa vụ bồi thường cho Công ty khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, cụ thể:

- Phải bồi thường cho người sử dụng lao động nửa tháng tiền lương theo hợp đồng lao động: $\frac{1}{2} \times 6.200.000 \text{ đồng} = 3.100.000 \text{ đồng}$.

- Phải bồi thường một khoản tiền tương ứng với tiền lương theo hợp đồng lao động trong những ngày không báo trước: $30 \text{ ngày} \times 6.200.000 \text{ đồng} = 6.200.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền yêu cầu bà Trần Thị H O bồi thường: 9.300.000 đồng.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 05/2022/LĐ-ST ngày 27/4/2022 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H O với Công ty K về việc tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

2. Buộc Công ty K phải trả bà Trần Thị H O 119.983.000 đồng, gồm: 85.483.000 đồng tiền lương và phụ cấp lương của những ngày không được làm việc; 23.000.000 đồng do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật và 11.500.000 đồng do vi phạm thời hạn báo trước.

3. Buộc Công ty K và bà Trần Thị H O có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Bảo hiểm xã hội thị xã T để thực hiện việc truy đóng Bảo hiểm xã hội cho bà Trần Thị H O theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội đến ngày 28/02/2022. Công ty Cổ phần quốc tế K được quyền trích từ khoản tiền bồi thường cho bà Trần Thị H O để thực hiện nghĩa vụ của người lao động và đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội cho bà Trần Thị H O tại cơ quan bảo hiểm xã hội, chốt sổ bảo hiểm xã hội và hoàn trả sổ cho bà Trần Thị H O.

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty Cổ phần quốc tế K về việc buộc bà Trần Thị H O phải bồi thường tổng số tiền 9.300.000 đồng do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và nghĩa vụ thi hành án, án phí, kiến nghị các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét lại việc Công ty K sử dụng 02 mức lương trong đó có một mức lương để tham gia bảo hiểm xã hội và một mức lương trả cho bà Trần Thị H O theo thỏa thuận khi giao kết hợp đồng lao động với bà Trần Thị H O và tuyên về quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 27/4/2022, bị đơn có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án: Bị đơn đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn phải bồi thường là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “*Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*”, bị đơn có trụ sở tại thị xã T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T theo thủ tục sơ thẩm được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ kiện còn trong thời hiệu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ việc.

[1.2] Xét đơn kháng cáo của bị đơn Công ty K được thực hiện trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí nên việc kháng cáo là hợp lệ.

[1.3] Về việc tham gia tố tụng của ông Nguyễn Văn B: Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông B tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng thực tế ông B không có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gì trong vụ án và cũng không cung cấp được bất kỳ thông tin hay tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến vụ án. Theo các bản khai ngày 18/4/2022 (bút lục số 183 và 191) và bản khai ngày 22/4/2022 (bút lục số 192), ông B trình bày là thành viên Ban chấp hành Công đoàn cơ sở Công ty K, nhưng do Chủ tịch Công đoàn cơ sở nghỉ việc nên ông B tạm thời tiếp nhận phụ trách nên không biết gì về việc bà O gửi đơn khiếu nại. Ông B từ chối không tham gia các phiên tòa của Tòa án. Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa ông Nguyễn Văn B tham gia tố tụng là không phù hợp và không cần thiết.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hợp đồng lao động số 133-2021/HĐLĐ-KN ngày 01/3/2021 được ký kết giữa Công ty K với bà O là hợp đồng lao động xác định thời hạn; thời hạn 12 tháng đến ngày 28/02/2022. Về thời gian làm việc, các bên đương sự trình bày thống nhất: Từ ngày 15/7/2021 bà O không còn làm việc tại Công ty K.

[2.2.] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, các bên đương sự trình bày không thống nhất. Bị đơn cho rằng bà O tự ý bỏ việc không xin phép 05 ngày liên tục nên ban hành thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà O theo điểm e khoản 1 Điều 36 Bộ luật Lao động năm 2019. Nguyên đơn cho rằng Giám đốc Công ty yêu cầu nguyên đơn xin nghỉ việc nhưng nguyên đơn không đồng ý nên ngăn cản không cho nguyên đơn vào làm việc, nguyên đơn đã gửi đơn đề nghị Công đoàn Công ty giải quyết, nhưng không được giải quyết nên nguyên đơn gửi đơn đến các cơ quan quản lý lao động để yêu cầu giải quyết.

[2.3] Căn cứ lời trình bày và các tài liệu, chứng cứ các bên giao nộp xét thấy: Vào các ngày 16, 17, 20, 23/7/2021 bà O có gửi các đơn thư kêu cứu đến Công đoàn Công ty yêu cầu can thiệp để bà O được vào làm việc, nhưng Công đoàn Công ty không trả lời. Ngày 18 và 20/7/2021 bà O làm đơn xin hòa giải gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thị xã T. Ngày 20 và 23/7/2021, bà O làm đơn kiến nghị gửi Liên đoàn lao động thị xã T. Các giấy báo phát và xác nhận của bưu điện đã giao nhận cho người nhận.

Tại Công văn số 565/PLĐTB&XH-LĐTL ngày 16/02/2022 của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thị xã T xác nhận ngày 23/7/2021 có tiếp nhận đơn yêu cầu hòa giải của bà O, nhưng do thực hiện giãn cách xã hội nên ngày 19/11/2021 mới tổ chức hòa giải giữa bà O và Công ty với kết quả hòa giải không thành. Tại Công văn số 06/LĐLĐ ngày 08/02/2022 của Liên đoàn lao động thị xã T xác nhận ngày 20/7/2021 có nhận đơn kiến nghị của bà O qua đường bưu điện và được biết đơn của bà O đã được gửi đến Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thị xã T. Do thực hiện giãn cách xã hội và các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid – 19 trên địa phương nên Ban thường vụ Liên đoàn lao động thị xã đã liên hệ với bà O qua số điện thoại được cung cấp trong đơn để trao đổi nắm thêm thông tin, đồng thời hướng dẫn bà O thực hiện việc khiếu nại người sử dụng lao động hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

[2.4] Căn cứ vào thời gian gửi đơn kêu cứu đến Công đoàn cơ sở Công ty và đơn yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền can thiệp để được tiếp tục làm việc nêu trên, bà O đã chứng minh không có hành vi tự ý bỏ việc không có lý do từ ngày 15 đến ngày 20/7/2021 như nội dung Thông báo về việc đơn phương kết thúc hợp đồng lao động trước thời hạn ngày 21/7/2021 và Quyết định về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động số 01/07-2021/QĐST ngày 29/7/2021 của công ty. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, không chấp nhận các yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ.

[2.5] Về tiền lương: Theo các bảng lương hàng tháng bà O cung cấp thể hiện tổng tiền lương cơ bản được cố định là 6.200.000 đồng cộng với các khoản thưởng và chính sách khác nên tổng số tiền thực nhận luôn ở mức cao hơn tiền lương cơ bản và thay đổi theo từng tháng. Ví dụ: Theo phiếu lương tháng 4/2021 (bút lục số 21), tổng số tiền lương và các khoản thưởng & chính sách: 11.553.846 đồng (thực nhận là 10.841.000 đồng); Theo Phiếu lương tháng 5/2021 (bút lục số 19), tổng số tiền lương và các khoản thưởng & chính sách: 11.776.924 đồng (thực nhận 11.064.000 đồng). Như vậy, căn cứ hợp đồng lao động và xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội thì mức lương hàng tháng bị đơn đóng bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn là 6.200.000 đồng. Các khoản thưởng & chính sách, bao gồm: Điện thoại, xăng xe, chuyên cần và hoàn thành công việc là những khoản phụ cấp chỉ được tính khi người lao động trực tiếp tham gia lao động mới xác định được nhu cầu liên lạc, đi lại và có thể hiện đầy đủ tinh thần trách nhiệm, mức độ hoàn thành công việc và sự chuyên cần hay không. Vì vậy, chỉ có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà O với mức lương được áp dụng để xác định trách nhiệm bồi thường của bị đơn cho nguyên đơn là 6.200.000 đồng/ tháng. Thỏa thuận về tiền lương giữa hai bên không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và Tòa án không tuyên vô hiệu một phần hợp đồng lao động về tiền lương. Bản thân bà O là nhân viên kế toán, biết rõ chế độ tiền lương theo quy định của pháp luật, nhưng không có ý kiến phản đối và chấp nhận mức đóng bảo hiểm xã hội trên mức lương 6.200.000 đồng nên được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội tương ứng với mức đóng góp vào quỹ bảo hiểm xã hội. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy không cần thiết phải kiến

ngiht với cơ quan có thẩm quyền về tiền lương đã thỏa thuận trong hợp đồng lao động.

[2.6] Xét các khoản bồi thường, bị đơn phải có trách nhiệm bồi thường cho nguyên đơn theo các quy định tại Điều 41 Bộ luật Lao động 2019 như sau:

- Tiền lương trong những ngày không được làm việc: Từ ngày 15/7/2021 đến hết ngày 28/02/2022 số tiền: $(6.200.000 \text{ đồng/tháng} \times 7 \text{ tháng}) + (6.200.000 \text{ đồng}/30 \times 13 \text{ ngày}) = 46.086.000 \text{ đồng}$.

- Bồi thường 02 tháng lương theo hợp đồng lao động: $6.200.000 \text{ đồng} \times 2 = 12.400.000 \text{ đồng}$.

- Bồi thường do vi phạm thời hạn báo trước đối với hợp đồng xác định thời hạn (30 ngày không báo trước): 6.200.000 đồng.

Cộng các khoản: 64.686.000 đồng.

[2.7] Về trách nhiệm đóng các khoản bảo hiểm xã hội: Bị đơn đóng các khoản tiền bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn trong những ngày không được làm việc từ ngày 01/8/2021 đến ngày kết thúc hợp đồng lao động 28/02/2022 với mức lương 6.200.000 đồng/tháng.

[3] Do bị đơn đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn phải bồi thường với lý do nguyên đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Từ những cơ sở nêu trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của bị đơn là có cơ sở chấp nhận một phần.

[5] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giữ nguyên bản án sơ thẩm là chưa hoàn toàn phù hợp, vì cần phải xem xét lại mức lương làm căn cứ tính các khoản bồi thường cho bà O theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Nguyên đơn được miễn án phí. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận và yêu cầu phản tố không được chấp nhận. Bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 148, khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 12, 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 14, 18, 20, 21, 39, 41, 90, 95 và Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019; các Điều 24, 25, 26, 28, 29, 82, 83, 84, 85 và 86 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Sửa một phần Bản án lao động sơ thẩm số 05/2022/LĐ-ST ngày 27/4/2022 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H O đối với bị đơn Công ty Cổ phần Quốc tế K về việc tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

- Buộc Công ty Cổ phần Quốc tế K bồi thường cho bà Trần Thị H O số tiền 64.686.000 đồng do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

- Buộc Công ty Cổ phần Quốc tế K có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và trích từ tiền lương bồi thường cho bà Trần Thị H O để đóng các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc cho bà Trần Thị H O theo quy định của pháp luật từ ngày 01/8/2021 đến hết ngày 28/02/2022 trên mức lương 6.200.000 đồng/ tháng tại cơ quan Bảo hiểm xã hội thị xã T. Việc đóng bảo hiểm xã hội được thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty Cổ phần quốc tế K về việc buộc bà Trần Thị H O phải bồi thường tổng số tiền 9.300.000 đồng do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Công ty Cổ phần Quốc tế K phải nộp 2.240.000 đồng (bao gồm 1.940.000 đồng tiền án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận và 300.000 đồng tiền án phí đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận).

- Án phí phúc thẩm: Công ty Cổ phần Quốc tế K không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T hoàn lại cho Công ty Cổ phần Quốc tế K số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005919 ngày 06/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thị xã T;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS thị xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, Tòa LĐ, HSVA.

(Đã ký)

Nguyễn Công Lực